



VPHN: Liền kề 16, Ô 17 Khu đô thị mới Văn Khê, Hà  
Đông, Hà Nội  
Tel: (84-4) 63251712 - Fax: (84-4) 63251713  
Website: [www.ltc.com.vn](http://www.ltc.com.vn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **33./LTC-TCKT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019.

V/v: giải trình từ chối đưa ra ý kiến của kiểm  
toán báo cáo tài chính năm 2018.

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần điện nhẹ Viễn Thông (LTC) xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong suốt thời gian qua.

Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông xin được giải trình chênh lệch lợi nhuận báo cáo tài chính năm 2018 so với năm 2017 và Kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến như sau:

- Thứ nhất: Kết quả lợi nhuận báo cáo tài chính năm 2018 lãi 236.128.344 đồng so với năm 2017 lỗ 18.581.347.291 đồng. Do năm 2017 Công ty phải trích lập dự phòng các khoản phải thu khác dẫn đến kết quả kinh doanh lỗ.

- Thứ hai: Kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, LTC có ý kiến giải trình như sau:

+ Đối với công nợ phải thu: Do đặc thù của công ty là ngành xây lắp các công trình, trong quá trình gửi thư đi xác nhận công nợ có một số khách hàng từ chối không xác nhận và đưa ra lý do thuộc nguồn vốn ngân sách đang trong thời gian chờ Sở tài chính phê duyệt quyết toán và sau khi Sở tài chính phê duyệt thì đại diện chủ đầu tư mới xác nhận.

+ Đối với các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Hiện nay còn một số dự án đang trong thời gian lập quyết toán trình chủ đầu tư phê duyệt và xuất hoá đơn. Khi được chủ đầu tư phê duyệt, LTC sẽ hạch toán doanh thu và giá vốn của các công trình.

+ Đối với Nợ phải trả: Ban điều hành chúng tôi đang tập trung thúc đẩy Chủ đầu tư sớm phê duyệt quyết toán và bố trí nguồn vốn để thanh toán cho LTC. Sau khi chúng tôi nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư, LTC thanh toán cho các khoản nợ phải trả.

+ Phải trả trích trước chi phí vào giá vốn công trình: LTC triển khai các công trình theo hình thức giao khoán thầu phụ và các tổ đội XN thi công. Sau khi đơn vị nhận khoán hoàn nhập chứng từ chi phí cho các công trình, kế toán thực hiện hạch toán ghi giảm chi phí trích trước. Đến tại thời điểm nay các đơn vị đã hoàn nhận được chứng từ 17,9 tỷ và kế toán sẽ hạch toán vào báo cáo cho quý 2 năm 2019.

Trên đây là giải trình từ chối đưa ra ý kiến báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần điện nhẹ Viễn Thông gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để công bố thông tin cho Nhà đầu tư được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu VT, TCKT (theo dõi).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẹ VIỄN THÔNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Trung Liễn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẹ VIỄN THÔNG

Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ-TCBD ngày 11 tháng 10 năm 2000 của Tổng cục Bưu điện. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31 tháng 5 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101135243 cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2001, thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 09 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: LOW CURRENT TELECOM JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: LTC. Mã chứng khoán: LTC, Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện cảnh báo từ ngày 05/07/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.860.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng).

Trụ sở chính: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng: Liền kề 16, Ô 17 Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Lương Quý Thăng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 02/7/2018	
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Chủ tịch		
Ông Ngô Anh Phương	Thành viên		
Ông Nguyễn Từ Duẩn	Thành viên		
Ông Bùi Trung Liễu	Thành viên		
Ông Bùi Quốc Hưng	Nguyên Phó Chủ tịch		29/06/2018
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên		29/06/2018
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	29/06/2018	
Bà Trần Thị Thu Thủy	Nguyên Trưởng ban		29/06/2018
Ông Hoàng Hùng	Thành viên	29/06/2018	
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	29/06/2018	
Bà Phạm Thị Minh Thảo	Thành viên		29/06/2018
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên		29/06/2018
Bà Vũ Phương Lan	Thành viên		29/06/2018
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Bùi Trung Liễu	Tổng Giám đốc		
Ông Hoàng Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2018	
Ông Phạm Đức Thường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2018	

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 20/11/2018 Công ty đã ra Thông báo số 101/LTC-TB về việc Chào bán bất động sản tại Liên kê 16, Lô 17 Khu đô thị mới Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội. Đến thời điểm lập Báo cáo này, giao dịch bán vẫn chưa có kết quả và sẽ được tiếp diễn trong năm 2019.

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty trong kỳ cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



**Bùi Trung Liễu**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

Số: 292/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông

Kính gửi: **Các Quý cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông, được lập ngày 24 tháng 04 năm 2019, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các tài khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2017. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty chưa theo dõi phân tích tuổi nợ và chưa đánh giá đầy đủ khả năng thu hồi đối với các khoản nợ trả trước cho người bán, phải thu ngắn hạn khác không có đối chiếu tổng số tiền 88.652.472.199 đồng. Trong tổng số dư nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng đang trình bày trên Báo cáo tài chính có 89.483.891.004 đồng là số dư các khoản nợ từ những năm trước đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được Công ty xem xét trích lập dự phòng. Bằng các thủ tục kiểm toán khác đã thực hiện cũng không giúp chúng tôi thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến đánh giá tính hiện hữu, tính chính xác đối với các khoản nợ chưa có đối chiếu, đồng thời chúng tôi cũng không thể đánh giá đầy đủ giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập theo qui định.

Theo thuyết minh tại mục 5.05, giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 01/01/2018 và 31/12/2018 lần lượt là 22.291.625.978 đồng và 18.730.710.694 đồng, trong đó có 10.794.327.437 đồng là chi phí tồn đọng của các công trình đã thực hiện từ các năm trước đến nay chưa được bên A nghiệm thu. Với những tài liệu do Công ty cung cấp, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại thời điểm đầu năm và cuối năm, cũng như không xác định được tính chính xác của các số dư này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

.07  
GT  
HI  
TO  
IET  
.AN

Theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018, Công ty có các khoản nợ ngắn hạn bao gồm nợ phải trả người bán, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, nợ vay ngân hàng, nợ vay các tổ chức và vay cá nhân khác tổng số tiền 133.303.204.095 đồng. Dựa trên các tài liệu hiện có được Công ty cung cấp, kết hợp với việc tổng hợp các vấn đề hạn chế đã nêu ở trên, chúng tôi không thể đánh giá khả năng thanh toán thực tế các khoản nợ ngắn hạn được ảnh hưởng vấn đề này đến Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Như trình bày tại thuyết minh 5.13, Công ty đang theo dõi chi phí phải trả số tiền 43.932.812.778 đồng, trong đó 35.728.661.267 đồng là chi phí trích trước vào giá vốn tương ứng với doanh thu các công trình và 3.621.952.565 đồng là chi phí lãi vay phát sinh từ những năm trước. Công ty dự kiến Quý 2/2019 sẽ thực hiện ghi giảm chi phí trích trước 17.908.044.199 đồng (là tổng giá trị đầu vào của một số công trình đã có hóa đơn nhưng công ty chưa hạch toán). Do hạn chế phạm vi kiểm toán, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Theo thông báo số 79139/CT-QLN ngày 07/12/2017 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về việc thông báo sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông với lý do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp và áp dụng biện pháp cưỡng chế, Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật. Trong thời gian bị cưỡng chế hóa đơn, khi Công ty có nhu cầu sử dụng hóa đơn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thì có thể mua hóa đơn lẻ tại cơ quan thuế cho đến khi nộp đủ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp theo quyết định cưỡng chế hóa đơn vào ngân sách Nhà nước. Công ty phải cam kết nộp ngay toàn bộ số thuế phát sinh trên hóa đơn lẻ và nộp thêm một phần tiền thuế nợ ít nhất bằng 15% doanh thu trên hóa đơn bán lẻ. Đồng thời, Công ty cũng đã ủy quyền cho Chi nhánh Công ty CP Điện nhẹ Viễn thông - Xí nghiệp LTC 1 thay mặt công ty thực hiện các công việc không giới hạn bao gồm:

- Ký phụ lục hợp đồng/ giao dịch và các văn bản liên quan đối với các hợp đồng để chuyển quyền và nghĩa vụ của Công ty sang cho Xí nghiệp;
- Xuất hóa đơn cho các hợp đồng giao dịch;
- Được quyền trực tiếp nhận thanh toán từ các Chủ đầu tư, đối tác theo TK thanh toán của XN;
- Thay mặt Công ty thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, bảo hành... đối với các đối tác.



**Vấn đề khác**

Công ty đã thực hiện thông báo lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 60<sup>a</sup>/LTC ngày 30/06/2018 về loại Báo cáo tài chính (do thay đổi mô hình Công ty). Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông không còn là Công ty con của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đang thuộc diện cảnh báo từ ngày 05/07/2018 do vi phạm về Công bố thông tin, hiện Cổ phiếu chưa được giao dịch ký quỹ theo Thông báo ngày 07/01/2019 của HNX.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, số 2.0407/18/TC-AC ngày 30/03/2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản nợ phải thu chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2017 và ngày 31/12/2016. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.



**Phan Huy Thăng**

**Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

*Thay mặt và đại diện*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019*

**Nguyễn Thị Ngọc Châm**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>206.431.202.279</b>	<b>206.947.756.534</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>3.581.343.103</b>	<b>2.602.849.052</b>
1. Tiền	111		3.581.343.103	1.457.685.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.145.163.576
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>181.014.137.581</b>	<b>181.950.235.581</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	95.041.076.816	96.514.865.404
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	19.813.188.944	19.508.188.944
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	80.610.218.979	80.377.528.391
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.636.739.099)	(14.636.739.099)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		186.391.941	186.391.941
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.732.675.672</b>	<b>22.291.625.978</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.05	21.732.675.672	22.291.625.978
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>103.045.923</b>	<b>103.045.923</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.529.193	10.529.193
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		92.516.730	92.516.730
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.710.212.427</b>	<b>33.675.505.992</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.068.566.550</b>	<b>10.416.078.934</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	2.356.360.550	3.703.872.934
- Nguyên giá	222		6.777.501.605	8.083.607.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.421.141.055)	(4.379.734.126)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.07	6.712.206.000	6.712.206.000
- Nguyên giá	228		6.712.206.000	6.712.206.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.08</b>	<b>184</b>	<b>226.708.638</b>
- Nguyên giá	231		563.856.890	6.510.252.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(563.856.706)	(6.283.544.321)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.09</b>	<b>20.468.920.013</b>	<b>22.868.920.013</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	22.213.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.813.400.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.675.000.000	1.675.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.019.479.987)	(1.019.479.987)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>172.725.680</b>	<b>163.798.407</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.15	172.725.680	163.798.407
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>236.141.414.706</b>	<b>240.623.262.526</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>180.687.304.328</b>	<b>185.405.280.492</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>180.687.304.328</b>	<b>185.190.780.492</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	23.360.329.319	26.051.668.774
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	3.426.629.033	4.043.906.581
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	18.108.681.092	18.030.815.828
4. Phải trả người lao động	314		1.206.058.601	1.002.345.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	43.932.812.778	40.551.419.922
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	36.396.416.982	35.630.354.817
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	54.217.318.101	59.836.710.700
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		39.058.422	43.558.422
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>214.500.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	214.500.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>55.454.110.378</b>	<b>55.217.982.034</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>55.454.110.378</b>	<b>55.217.982.034</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.860.000.000	45.860.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.913.796.070	24.077.383.636
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.801.281.768	2.801.281.768
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.879.032.540	(17.520.683.370)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.520.683.370)	1.060.663.921
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.399.715.910	(18.581.347.291)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>236.141.414.706</b>	<b>240.623.262.526</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

Người lập

Bùi Phương Huệ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Tổng Giám đốc



Bùi Trung Liễu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	21.439.087.483	28.413.488.006
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		21.439.087.483	28.413.488.006
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	19.145.657.318	27.274.644.186
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2.293.430.165</b>	<b>1.138.843.820</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	38.213.772	213.735.742
7. Chi phí tài chính	22	6.04	3.125.859.295	5.103.634.527
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.125.859.295</i>	<i>4.681.154.540</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	2.362.234.313	16.261.188.874
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(3.156.449.671)</b>	<b>(20.012.243.839)</b>
11. Thu nhập khác	31		4.451.070.368	1.432.209.244
12. Chi phí khác	32		999.460.267	1.312.696
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.06</b>	<b>3.451.610.101</b>	<b>1.430.896.548</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>295.160.430</b>	<b>(18.581.347.291)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		59.032.086	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>236.128.344</b>	<b>(18.581.347.291)</b>
<b>18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	62		-	-
20. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	71		51	(4.052)

Hà nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

Người lập

Bùi Phương Huệ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Tổng Giám đốc



Bùi Trung Liễu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	367.160.430	(18.581.347.291)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	618.456.893	1.777.934.403
- Các khoản dự phòng	03	-	13.591.046.363
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.181.645.721)	(1.600.260.241)
- Chi phí lãi vay	06	3.053.859.295	4.681.154.540
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.857.830.897	(131.472.226)
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	936.098.000	5.879.997.024
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	558.860.306	7.521.307.480
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	4.703.486.164	3.961.468.210
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	-	(20.129.670)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.055.291.130)	(3.777.844.959)
- Thuế TNDN đã nộp	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(17.785.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.000.984.237	13.415.540.859
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	5.953.176.666	880.000.000
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	(1.019.901.798)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.181.645.721	168.050.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.114.920.589	1.048.050.997
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.976.972.165	53.814.803.934
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.114.382.940)	(65.887.238.571)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.137.410.775)	(12.072.434.637)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	978.494.051	2.391.157.219
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.602.849.052	211.691.833
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	3.581.343.103	2.602.849.052

Người lập

*Bùi Phương Huế*

Bùi Phương Huế

Kế toán trưởng

*Phạm Đức Thưởng*

Phạm Đức Thưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



*Bùi Trung Liễu*

Bùi Trung Liễu

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẹ VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ-TCBĐ ngày 11 tháng 10 năm 2000 của Tổng cục Bưu điện. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31 tháng 5 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101135243 cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2001, thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 09 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: LOW CURRENT TELECOM JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: LTC

Trụ sở chính của Công ty tại Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng giao dịch: Lô 17, liền kề 16, khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông là 45.860.000.000 đồng.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
- Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
- Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán công trình;
- Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thâm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ; viễn thông; điện lạnh; điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy;
- Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có đơn vị trực thuộc như sau:

Xí nghiệp điện nhẹ Viễn thông I      Thi công công trình kỹ thuật dân dụng khác;  
Lắp đặt hệ thống điện

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Hoạt động liên tục**

Cục thuế Thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với Công ty Cổ phần Điện nhệ Viễn thông với lý do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp và áp dụng biện pháp cưỡng chế Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật.

Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi nợ phải thu, và chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; chưa đánh giá khả năng thanh toán nợ phải trả. Để khắc phục tình trạng này, Ban Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Thực hiện chủ trương thoái vốn vào công ty liên kết theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Thực hiện bù đắp lỗ lũy kế đến năm 2017 từ việc sử dụng Thặng dư vốn cổ phần.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và sửa đổi điều lệ của Công ty để phù hợp với ngành nghề kinh doanh.
- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng để thực hiện sản xuất kinh doanh trong thời gian tiếp theo, tạo doanh thu và ủy quyền cho Xí nghiệp Điện nhẹ Viễn thông I thực hiện.
- Thực hiện quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng tại ngày 31/12/2018.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng mà Công ty đang giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - TK 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

### Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

#### Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

*Nguyên tắc kế toán*

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có

N:  
CÔ  
T  
KIẾ  
A  
5H



Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

***Phương pháp khấu hao***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Tài sản cố định</b>	<b>Số năm khấu hao</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03 - 05

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả của Công ty là chi phí trích trước lãi tiền vay ngân hàng phát sinh trong kỳ chưa thực hiện chi trả.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu

### **Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- **Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài:** Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- **Lỗ đầu tư chứng khoán:** Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆ VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Các bên liên Quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

### Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Giám đốc cho rằng bộ phận kinh doanh chính của Công ty là xây lắp các công trình viễn thông, tổng doanh thu của các bộ phận thuộc lĩnh vực khác là cho thuê trạm BTS, tư vấn khảo sát thiết kế các công trình viễn thông trên cùng khu vực địa lý là Việt nam chiếm tỷ trọng không đáng kể so với tổng doanh thu của tất cả bộ phận. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIÊN THÔNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.330.180.814	396.934.829
Tiền gửi ngân hàng	1.251.162.289	1.060.750.647
Các khoản tương đương tiền (là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng)	-	1.145.163.576
<b>Cộng</b>	<b>3.581.343.103</b>	<b>2.602.849.052</b>

**5.02. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ban điều hành gói thầu PK1C CTGT1	4.147.491.965	4.147.491.965
Ban điều hành gói thầu PK 2	22.136.337.381	22.136.337.381
BQL Dự án tỉnh Thái Nguyên	12.716.440.793	8.062.179.362
Công ty CP Lắp máy điện nước và xây dựng	1.244.269.858	1.244.269.858
Công ty CP TKXD và Thương mại Hà Thành	1.197.663.023	1.197.663.023
Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	7.547.182.880	7.547.182.880
Tổng cục Hậu cần an ninh	3.016.465.013	3.016.465.013
Thầu TK và XD công trình GS	9.352.190.099	21.889.490.549
Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 8	2.653.124.320	2.653.124.320
Công ty TNHH Quản lý xây dựng Vincôm 1	2.117.540.380	2.117.540.380
Công ty Cổ phần Hanel	-	5.446.195.360
Công ty TNHH Phong Thái	228.000.000	1.936.000.000
Công ty Hòa Phát Thượng	3.541.537.562	-
Phải thu các khách hàng khác	25.142.833.542	15.120.925.313
<b>Cộng</b>	<b>95.041.076.816</b>	<b>96.514.865.404</b>

*Nợ phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu là nợ phải thu phát sinh từ các công trình/dự án được thực hiện bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà Nước được nghiệm thu từ những năm trước.*

**5.03. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Luxe Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Minh Phúc	13.417.025.101	13.417.025.101
Công ty Hà Thành	875.355.670	875.355.670
Các nhà cung cấp khác	4.020.808.173	3.715.808.173
<b>Cộng</b>	<b>19.813.188.944</b>	<b>19.508.188.944</b>

04. Phải thu khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Tạm ứng thi công công trình xây lắp	59.802.961.301	-	61.874.509.006	-
Ký cược, ký quỹ	600.000	-	91.200.000	-
Phải thu khác liên quan đến thi công các công trình hạ ngầm (i)	11.766.047.640	(11.766.047.640)	11.766.047.640	(11.766.047.640)
Phải thu khác	9.040.610.038	(4.888.084)	6.645.771.745	(4.888.084)
<b>Cộng</b>	<b>80.610.218.979</b>	<b>(11.770.935.724)</b>	<b>80.377.528.391</b>	<b>(11.770.935.724)</b>

(i) Theo Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán số 2.0407/18/TC-AC phát hành ngày 30/03/2018, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 31/12/2017 và ngày 31/12/2016 với giá trị là 11,776 tỷ đồng.

05. Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.001.964.978	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang công trình xây lắp (*)	18.730.710.694	-	22.291.625.978	-
<b>Cộng</b>	<b>21.732.675.672</b>	<b>-</b>	<b>22.291.625.978</b>	<b>-</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị thực hiện các công trình, trong đó có một số công trình đã hoàn thành nhưng chưa được Chủ đầu tư nghiệm thu quyết toán, do đó Công ty chưa đủ điều kiện để xuất hóa đơn ghi nhận doanh thu, đồng thời chưa kết chuyển giá vốn tương ứng (ghi giảm chi phí SXKD dở dang). Công ty đánh giá chưa cần thiết lập dự phòng tồn thất đối với hàng hóa tồn kho và chi phí dở dang trên.

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2018 (VND)		31/12/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công trình CCXD HT hạ tầng VT tại KCN VSIP 2m 15 căn biệt thự tại Vinpearl	1.437.717.769	-	1.437.717.769	-
Dự án Hải Đăng City	344.850.080	-	344.850.080	-
Dự án XDHT giao thông trục chính KCN Diêm Thụy	154.667.740	-	154.667.740	-
Xây dựng KCN Mai Sơn	115.703.172	-	115.703.172	-
PK1C Trồng cỏ, trồng cây bụi Km22+864,25	2.486.162.546	-	2.486.162.546	-
PK1A Trồng cỏ, trồng cây bụi km5+150	1.363.636.364	-	1.363.636.364	-
XDM mạng cáp FTTX AON trạm TLC	431.524.593	-	431.524.593	-
Dự án xây dựng QL3 mới HM: trồng cỏ	219.528.705	-	219.528.705	-
Công trình MRCB, cột ĐVT Eakar Đắc Lắc	524.379.991	-	524.379.991	-
Công trình di dời tuyến ống Pi cải tạo đường Nguyễn	119.315.477	-	119.315.477	-
Dự án GS XD hào kỹ thuật DA vành đai B.Lợi	160.406.026	-	160.406.026	-
Công trình Tuân Châu	7.623.839.167	-	8.679.566.440	-
Công trình MRMC các TVT Phong Lạc, Rạch Chèo	924.433.522	-	924.433.522	-
Công trình MRMC các TVT Khánh Bình Đông	100.955.246	-	100.955.246	-
Hoạt động TVT khảo sát thiết kế	172.592.381	-	172.592.381	-
CT Kéo cáp quang tuyến An Nhơn - Thạch Lộ	319.917.060	-	319.917.060	-
Nhà nghiệp vụ dự án BD65	120.639.541	-	120.639.541	-
Các công trình khác	444.678.273	-	444.678.273	-
	1.353.218.951	-	4.118.545.338	-
<b>Cộng</b>	<b>18.418.166.604</b>	<b>-</b>	<b>22.239.220.264</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIÊN THÔNG**  
áo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**06. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị : VND Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2018	1.000.000.000	2.377.216.593	4.523.653.195	143.636.363	39.100.909	8.083.607.060
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	1.306.105.455	-	-	1.306.105.455
Thanh lý	-	-	1.306.105.455	-	-	1.306.105.455
Số dư tại ngày 31/12/2018	1.000.000.000	2.377.216.593	3.217.547.740	143.636.363	39.100.909	6.777.501.605
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2018	73.333.333	1.617.368.115	2.521.028.753	128.903.016	39.100.909	4.379.734.126
Tăng trong năm	39.999.996	161.905.456	395.037.497	14.733.347	-	611.676.296
Khấu hao trong năm	39.999.996	161.905.456	395.037.497	14.733.347	-	611.676.296
Giảm trong năm	-	-	570.269.367	-	-	570.269.367
Thanh lý	-	-	570.269.367	-	-	570.269.367
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2018	926.666.667	759.848.478	2.002.624.442	14.733.347	-	3.703.872.934
Tại ngày 31/12/2018	886.666.671	597.943.022	871.750.857	-	-	2.356.360.550





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIỄN THÔNG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5.07. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Đơn vị: VND Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2018	6.712.206.000	6.712.206.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2018	<u>6.712.206.000</u>	<u>6.712.206.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2018	-	-
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2018	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2018	<u>6.712.206.000</u>	<u>6.712.206.000</u>
Tại ngày 31/12/2018	<u>6.712.206.000</u>	<u>6.712.206.000</u>

**5.08. Bất động sản đầu tư**

	Trạm BTS VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2018	6.510.252.959	6.510.252.959
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	5.946.396.069	5.946.396.069
Số dư tại ngày 31/12/2018	<u>563.856.890</u>	<u>563.856.890</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2018	6.283.544.321	6.283.544.321
Tăng trong năm	6.780.597	6.780.597
Khấu hao trong năm	6.780.597	6.780.597
Giảm trong năm	5.726.468.212	5.726.468.212
Số dư tại ngày 31/12/2018	<u>563.856.706</u>	<u>563.856.706</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2018	<u>226.708.638</u>	<u>226.708.638</u>
Tại ngày 31/12/2018	<u>184</u>	<u>184</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIÊN THÔNG**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5.09. Đầu tư tài chính**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)		Giá trị hợp lý
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	-	-	22.213.400.000	422.479.987	21.790.920.013
Công ty CP Cấp và Thiết bị Viễn thông (ii)	-	-	22.213.400.000	422.479.987	21.790.920.013
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	19.813.400.000	422.479.987	19.390.920.013	-	-
Công ty CP Cấp và Thiết bị Viễn thông (ii)	19.813.400.000	422.479.987	19.390.920.013	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	1.675.000.000	597.000.000	1.078.000.000	597.000.000	1.078.000.000
Công ty CP Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ	1.078.000.000	-	1.078.000.000	-	1.078.000.000
Công ty CP Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông	597.000.000	597.000.000	597.000.000	597.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.488.400.000</b>	<b>1.019.479.987</b>	<b>20.468.920.013</b>	<b>1.019.479.987</b>	<b>22.868.920.013</b>

(ii) Theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Quyết định số 15/2018/QĐ-HĐQT ngày 14/12/2018 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt chuyển nhượng cổ phần góp vốn của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông tại Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông (ETCC), Công ty đã chuyển nhượng 240.000 cổ phần ETCC (tương đương 6% vốn điều lệ) cho ông Ngô Trọng Vinh với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.328.000.000 đồng, khoản lỗ phát sinh 72.000.000 đồng. Sau khi giao dịch thành công, Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông không còn là Công ty con của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông.

**5.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)		Số có khả năng thanh toán
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Phan Anh	6.801.068.604	6.801.068.604	-	-	-
Công ty TNHH Xây Dựng Hạ Tầng Quốc Tế	5.150.215.561	5.150.215.561	-	-	-
Công ty TNHH Cung cấp vật tư thiết bị xây dựng Minh Lê	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Công ty TNHH Nam Phát	1.876.239.750	1.876.239.750	-	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Vinh	1.161.088.200	1.161.088.200	1.161.088.200	1.161.088.200	1.161.088.200
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nhẹ viễn thông	560.862.852	560.862.852	560.862.852	560.862.852	560.862.852
Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Vinacap	-	-	17.427.051.620	17.427.051.620	17.427.051.620
Các nhà cung cấp khác	5.610.854.352	5.610.854.352	4.702.666.102	4.702.666.102	4.702.666.102
<b>Cộng</b>	<b>23.360.329.319</b>	<b>23.360.329.319</b>	<b>26.051.668.774</b>	<b>26.051.668.774</b>	<b>26.051.668.774</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Quản lý xây dựng Vincom 1	765.604.271	765.604.271
Công ty CP hạ tầng viễn thông CMC	177.818.850	177.818.850
Công ty TNHH Dát vàng nội thất Thành Đạt	556.000.000	333.600.000
Các khách hàng khác	1.927.205.912	2.766.883.460
<b>Cộng</b>	<b>3.426.629.033</b>	<b>4.043.906.581</b>

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>18.030.815.828</b>	<b>376.822.003</b>	<b>298.956.739</b>	<b>18.108.681.092</b>
Thuế giá trị gia tăng	8.850.856.902	313.767.917	294.934.739	8.869.690.080
Thuế TNDN	6.849.060.652	59.032.086	-	6.908.092.738
Thuế thu nhập cá nhân	1.094.779.100	-	-	1.094.779.100
Thuế khác	10.000.000	4.022.000	4.022.000	10.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.226.119.174	-	-	1.226.119.174

Đơn vị tính: VND

*Cục thuế Thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với Công ty với lý do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp và áp dụng biện pháp cưỡng chế "Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng" theo quy định của Pháp luật.*

*Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty có thể thay đổi theo các quyết định cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*

**5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Chi phí trích trước vào giá vốn (*)</b>	<b>40.310.860.213</b>	<b>35.728.661.267</b>
Công trình Khách sạn VinPearl Premium Golf	5.332.842.106	5.332.842.106
San nền giai đoạn II	4.714.219.882	4.714.219.882
Công trình trạm xử lý nước thải tập trung	3.385.806.277	3.385.806.277
TTTM khu vui chơi giải trí Thành phố Yên Bái	2.711.827.734	2.711.827.734
Hạng mục xây dựng kê đá, tường rào và hệ thống kỹ thuật thuộc dự án BĐ65	2.112.573.458	2.112.573.458
HĐ số 25: Thi công Xây dựng nhà nghiệp vụ	1.578.520.324	1.578.520.324
Công trình xây dựng hào kỹ thuật - Dự án Vành đai Bình Lợi	1.545.183.364	1.545.183.364
FTTx băng thông rộng TP Hà Nội	1.280.361.231	1.280.361.231
Công ty Hà thành - Cung cấp VT hệ thống điện nhe	1.094.301.849	1.094.301.849
Trích trước chi phí các công trình	16.555.223.988	11.973.025.042
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>3.621.952.565</b>	<b>4.414.450.655</b>
<b>Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát</b>	<b>-</b>	<b>408.308.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>43.932.812.778</b>	<b>40.551.419.922</b>

*(\*) Chi phí trích trước vào giá vốn để phù hợp với doanh thu các công trình đã ghi nhận, trong đó có 35.728.661.267 đồng là chi phí phát sinh tương ứng với doanh thu từ những năm trước. Dự kiến Quý 2/2019, Công ty thực hiện giảm chi phí trích trước 17.908.044.199 đồng (là tổng giá trị các*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIỄN THÔNG**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5.14. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	172.258.218	171.751.218
BHXH, BHYT, BHTN	2.563.883.170	2.441.871.998
Cổ tức phải trả	-	46.035.316
Phải trả các cá nhân về tiền vay không tính lãi	169.475.632	551.253.000
Quỹ chính sách xã hội	-	209.937.976
Chi phí công trình phải trả các đội thi công	33.448.103.371	31.172.399.139
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	42.696.591	1.037.106.170
<b>Cộng</b>	<b>36.396.416.982</b>	<b>35.630.354.817</b>

**5.15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa chữa tài sản	172.725.680	163.798.407
<b>Cộng</b>	<b>172.725.680</b>	<b>163.798.407</b>

07  
BT  
HH  
TOA  
ETM  
NÓ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIỆT THÔNG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5.16. Vay và nợ thuộc tài chính**

	01/01/2018 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		31/12/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (iv)	59.836.710.700	59.836.710.700	10.094.179.519	15.713.572.118	53.615.942.632	54.217.318.101
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	34.294.436.150	34.294.436.150	-	9.186.436.150	25.108.000.000	25.108.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	234.000.000	234.000.000	-	210.275.469	23.724.531	23.724.531
Tổ chức khác	1.053.504.000	1.053.504.000	10.044.179.519	641.404.000	9.941.404.000	9.941.404.000
Vay cá nhân (v)	24.254.770.550	24.254.770.550	50.000.000	5.675.456.499	18.542.814.101	19.144.189.570
<b>Vay dài hạn</b>	<b>214.500.000</b>	<b>214.500.000</b>	-	<b>214.500.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	214.500.000	214.500.000	-	214.500.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.051.210.700</b>	<b>60.051.210.700</b>	<b>10.094.179.519</b>	<b>15.928.072.118</b>	<b>53.615.942.632</b>	<b>54.217.318.101</b>

(iv) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất thay đổi theo từng kế ước vay, thời hạn vay dưới 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới Văn Khê.

(v) Vay cá nhân theo hợp đồng và không có tài sản đảm bảo, lãi suất 11%/năm. Cuối năm, do tình hình tài chính của Công ty gặp khó khăn, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng với các cá nhân này về việc đã đồng ý xóa nợ lãi cho Công ty số tiền 2.536.452.771 đồng, hai bên lập biên bản xác nhận nợ vay tại ngày 31/12/2018 (Thuyết minh 6.06)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIỄN THÔNG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5.17. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Cộng
Số dư 01/01/2017	45.860.000.000	24.077.383.636	2.801.281.768	1.060.663.921	73.799.329.325
Tăng trong năm	-	-	-	(18.581.347.291)	(18.581.347.291)
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	(18.581.347.291)	(18.581.347.291)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	45.860.000.000	24.077.383.636	2.801.281.768	(17.520.683.370)	55.217.982.034
Số dư tại 01/01/2018	45.860.000.000	24.077.383.636	2.801.281.768	(17.520.683.370)	55.217.982.034
Tăng trong năm	-	-	-	19.399.715.910	19.399.715.910
Sử dụng Quỹ Thặng dư vốn cổ phần bù đắp lỗ lũy kế 2017 (vi)	-	-	-	19.163.587.566	19.163.587.566
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	236.128.344	236.128.344
Giảm trong năm	-	19.163.587.566	-	-	19.163.587.566
Trích quỹ	-	-	-	-	-
Sử dụng Quỹ Thặng dư vốn cổ phần bù đắp lỗ lũy kế 2017 (vi)	-	19.163.587.566	-	-	19.163.587.566
Số dư tại 31/12/2018	45.860.000.000	4.913.796.070	2.801.281.768	1.879.032.540	55.454.110.378

(vi) Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 ngày 29/06/2018 v/v: Thực hiện bù đắp lỗ lũy kế đến năm 2017 từ việc sử dụng Thặng dư vốn cổ phần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
Vốn góp tại đầu năm	45.860.000.000	45.860.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	45.860.000.000	45.860.000.000
Chia cổ tức, phân phối lợi nhuận, trích quỹ	-	-

*c. Cổ phiếu*

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.586.000	4.586.000
Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.586.000	4.586.000
Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.586.000	4.586.000
Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

*d. Các quỹ của doanh nghiệp*

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.801.281.768	2.801.281.768
Thặng dư vốn cổ phần	4.913.796.070	24.077.383.636
	<b>7.715.077.838</b>	<b>26.878.665.404</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.439.087.483	28.413.488.006
<b>Cộng</b>	<b>21.439.087.483</b>	<b>28.413.488.006</b>

**6.02. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	19.145.657.318	27.274.644.186
<b>Cộng</b>	<b>19.145.657.318</b>	<b>27.274.644.186</b>

**6.03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	38.213.772	213.735.742
<b>Cộng</b>	<b>38.213.772</b>	<b>213.735.742</b>

**6.04. Chi phí tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.053.859.295	4.681.154.540
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	72.000.000	-
Chi phí tài chính khác	-	422.479.987
<b>Cộng</b>	<b>3.125.859.295</b>	<b>5.103.634.527</b>

**6.05. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.217.733.851	2.099.283.499
Chi phí vật liệu quản lý	-	24.035.728
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	3.592.164
Chi phí khấu hao TSCĐ	618.456.893	618.590.835
Thuế, phí, lệ phí	4.022.000	143.721.588
Chi phí dự phòng	-	13.168.566.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	522.021.569	143.929.452
Chi phí khác bằng tiền	-	59.469.232
<b>Cộng</b>	<b>2.362.234.313</b>	<b>16.261.188.874</b>

015  
NG  
VH  
ATC  
JIET  
NÔ



**6.06. Lợi nhuận khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác	4.451.070.368	1.432.209.244
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.914.617.597	1.432.209.244
Lãi vay cá nhân được xóa lãi (*)	2.536.452.771	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>999.460.267</b>	<b>1.312.696</b>
Chi phí khác	999.460.267	1.312.696
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.451.610.101</b>	<b>1.430.896.548</b>

(\*) Căn cứ vào các Phụ lục hợp đồng vay và Biên bản xác nhận tại ngày 31/12/2018, công ty ghi nhận khoản lãi vay được xóa lãi vào tài khoản thu nhập khác.

**6.07. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.358.399.133	1.513.252.868
Chi phí nhân công	1.259.733.851	5.417.754.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	618.456.893	1.777.934.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.535.606.131	12.430.765.014
Chi phí khác bằng tiền	914.641.963	13.452.537.105
<b>Cộng</b>	<b>17.686.837.971</b>	<b>34.592.243.832</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.01. Giao dịch và số dư với các bên liên Quan**

Tại ngày 31/12/2018, số công nợ với thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Nội dung	31/12/2018	
	Quan hệ	VND
Vay ngắn hạn ông Nguyễn Từ Duẩn	Thành viên HĐQT	200.000.000
Công ty Cổ phần Cấp và thiết bị Viễn thông	Công ty liên kết	9.891.404.000
Nội dung	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Thu nhập HĐQT và Ban kiểm soát	370.793.184	350.563.901

**7.02. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 20/11/2018 Công ty đã ra Thông báo số 101/LTC-TB về việc Chào bán bất động sản tại Liên kê 16, Lô 17 Khu đô thị mới Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội. Đến thời điểm lập Báo cáo này, giao dịch bán vẫn chưa có kết quả và sẽ được tiếp diễn trong năm 2019.

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty trong kỳ cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHE VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

### 7.03. Hoạt động liên tục

Cục thuế TP Hà Nội áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông với lý do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp và áp dụng biện pháp cưỡng chế Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật.

Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi nợ phải thu, và chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; chưa đánh giá khả năng thanh toán nợ phải trả nợ vay ngân hàng, vay tổ chức và vay cá nhân khác. Để khắc phục tình trạng này, Ban Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Thực hiện chủ trương thoái vốn vào công ty con, công ty liên kết theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Thực hiện bù đắp lỗ lũy kế đến năm 2017 từ việc sử dụng Thặng dư vốn cổ phần.
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và sửa đổi điều lệ của Công ty để phù hợp với ngành nghề kinh doanh.
- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng để thực hiện sản xuất kinh doanh trong thời gian tiếp theo, tạo doanh thu và ủy quyền cho Xí nghiệp Điện nhẹ Viễn thông I thực hiện.
- Thực hiện quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.

Bằng các biện pháp trên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

### 7.04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2018 được lấy từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Báo cáo kiểm toán số 2.0407/18/TC-AC phát hành ngày 30/03/2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2017 và ngày 31/12/2016 với giá trị là 1,446 tỷ đồng; khoản mục Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2017 và ngày 31/12/2016 với giá trị lần lượt là 12,335 tỷ đồng và 11,776 tỷ đồng.

Người lập

Bùi Phương Huệ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Bùi Trung Liễu